TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 17/7/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2025/TLST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2024; về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T** (Nay: **Chi nhánh T**); Địa chỉ: C Quốc lộ A, thị trấn C, huyện A, tỉnh Phú Yên (Nay: 312 T, xã B, tỉnh Đắk Lắk). Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn A** – sinh năm 1965 chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T** – sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn S, xã M, huyện A, tỉnh Phú Yên (Nay: thôn S, xã M, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

* *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* chị **Võ Thị Thu S** – sinh năm 1999; Địa chỉ: thôn S, xã M, huyện A, tỉnh Phú Yên (Nay: thôn S, xã M, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1928; Địa chỉ: thôn S, xã M, huyện A, tỉnh Phú Yên (Nay: thôn S, xã M, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn A trình bày:

Ngày 03/8/2020, anh Lê Văn T có đơn đề nghị vay vốn gửi Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T, Sau quá trình thỏa thuận, ngày 03/8/2020 hai bên đã ký kết hợp đồng vay vốn số 4602LAV202002094 với số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay là chăn nuôi bò. Hạn trả cuối ngày 03/8/2023.

Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp, gửi thư mời, giấy báo nhưng anh Lê Văn T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Lê Văn T phải trả toàn bộ số tiền: 321.153.425đ (Ba trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày 17/7/2025 là 121.153.425đ (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, cụ thể tại các biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị võ Thị Thu S trình bày: Anh T thống nhất như trình bày của Ngân hàng về việc anh T có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T theo Hợp đồng tín dụng 4602LAV202002094 với số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay là chăn nuôi bò. Hạn trả cuối ngày 03/8/2023.

Hiện tại anh T đang trong giai đoạn khó khăn. Anh T có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng đến khi hết nợ. Đề nghị Tòa án xem xét.

Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T nhưng bà T vắng mặt, không có lời trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T (Nay: Chi nhánh T) khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T trả tiền vay tài sản theo hợp đồng tín dụng, thời điểm thụ lý vụ án xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng nhưng quá trình giải quyết vụ án thấy, anh Lê Văn T vay tiền với mục đích chăn nuôi bò không vì lợi nhuận kinh doanh nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là vụ án dân sự Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T (Nay: Chi nhánh T2) khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T trả tiền vay tài sản theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Phú Yên (Nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk). Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk) thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn nhiều lần, lý do bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin hoãn vì bệnh nhưng không cung cấp chứng cứ cho việc có điều trị tại bệnh viện nào. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng

mặt nên theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Ngày 16/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk nhận được đơn yêu cầu độc lập của anh Lê Văn C – sinh ngày 16/3/1992, nội dung phản tố vì hộ bà Nguyễn Thị T có nhiều nhân khẩu, anh T tự ý dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay là không đúng quy định. Đề nghị hủy hợp đồng tín dụng và buộc ngân hàng trả lại sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình giải quyết vụ án, tại Điều 200; Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu độc lập phải trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không có ý kiến, phản tố hay yêu cầu độc lập gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nay, vụ án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Lê Văn C mới có yêu cầu độc lập nên không xem xét yêu cầu này của anh Lê Văn C.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng, đây là hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T (Nay: Chi nhánh T) và anh Lê Văn T có hợp đồng vay vốn số 4602LAV202002094 hai bên đã ký kết ngày 03/8/2020 với số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay là chăn nuôi bò. Hạn trả cuối ngày 03/8/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 17/7/2025, anh T còn nợ Ngân hàng số tiền 321.153.425đ (Ba trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày 17/7/2025 là 121.153.425đ (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Anh T có nợ tiền hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nhưng không trả nợ cho Ngân hàng là xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Ngân hàng không khởi kiện buộc bà T1 cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn và đại diện theo ủy quyền nhưng bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

- Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 321.153.425đ (Ba trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày 17/7/2025 là 121.153.425đ (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 321.153.425đ x 5% = 16.057.671đ (Mười sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T (Nay: Chi nhánh T2) đối với bị đơn anh Lê Văn T. Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng **321.153.425đ (Ba trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)**. Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày 17/7/2025 là 121.153.425đ (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu **16.057.671đ (Mười sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện T (Nay: Chi nhánh T) 7.361.541đ *(Bảy triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/23 số 0000225 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (Nay: Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Đắk Lắk).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực;
- Phòng THADS khu vực;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương